

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ VIỆT CÁT**

Số: 38/CBTT-VFC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT (sau đây gọi là “**Công ty**”)

Trụ sở chính: Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Điện Biên, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3941 0715

Fax: 024 3941 0716

Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Thị Huyền** – Người đại diện theo pháp luật

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Điện Biên, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3941 0715

Fax: 024 3941 0716

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và Công văn giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước của Công ty.
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại ngày 30/6/2022 của Công ty.

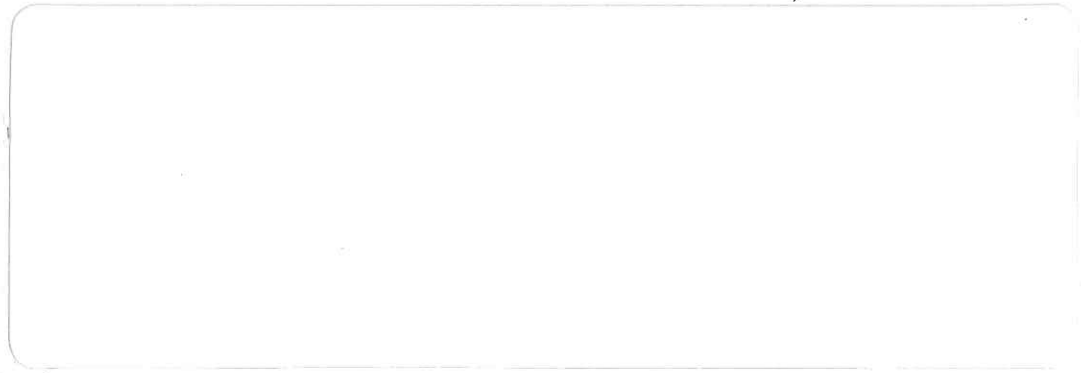
Nội dung công bố thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <http://vietcat.com/invertor-relationship.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Người thực hiện công bố thông tin

Nguyễn Thị Huyền



EY

Building a better
working world



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Thông tin chung | 1 - 2 |
| Báo cáo của Ban Điều hành | 3 |
| Báo cáo soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính | 4 - 5 |
| Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính | 6 - 7 |
| Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính | 8 - 26 |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh thay đổi như sau:

- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thanh Hương, chức danh Chủ tịch hội đồng Quản trị.
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 9 năm 2015, chuẩn y các việc sau:
 - Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - Thay đổi địa điểm dời trụ sở chính về phòng 1201, Tầng 12, Tòa nhà Ruby Plaza, số 44 Lê Ngọc Hân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 5 năm 2021, chuẩn y các việc sau:
 - Thay đổi địa điểm dời trụ sở chính về Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
 - Thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Bùi Thị Thanh Trà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 5 năm 2022, chuẩn y các việc sau:
 - Thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Huyền, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

QUY MÔ VỐN

Số vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 25.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 25.000.000.000 VND).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <i>Họ tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i> |
|-------------------------|----------------|-------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Huyền | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |
| Bà Trần Thị Mai Quỳnh | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |
| Bà Bùi Thị Thanh Trà | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |

BAN KIỂM SOÁT

Công ty không có Ban kiểm soát do Công ty có dưới mười một (11) cổ đông và không có cổ đông là tổ chức.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> |
|-----------------------|----------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Huy Minh | Tổng Giám đốc | Ngày 12 tháng 1 năm 2017 |
| Bà Nguyễn Thị Tố Uyên | Kế toán Trưởng | Ngày 26 tháng 7 năm 2021 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 23 tháng 5 năm 2022 đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Huyền - Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty.

Người đại diện pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 23 tháng 5 năm 2022 là Bà Bùi Thị Thanh Trà - Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 91") và *Thuyết minh số 2.1* của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với các quy định Thông tư 91 và *Thuyết minh số 2.1* của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:



Bà Nguyễn Thị Huyền
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 12950729/66839716-ATTC/SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("Công ty") được lập vào ngày 13 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 26. Báo cáo này đã được Ban Điều hành Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và *Thuyết minh số 2.1* của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và *Thuyết minh số 2.1* của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và *Thuyết minh số 2.1* của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và giới hạn về sử dụng báo cáo soát xét

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến *Thuyết minh số 2.1* và *Thuyết minh số 3* mô tả các văn bản pháp quy áp dụng, các diễn giải và các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu. Đồng thời như trình bày trong *Thuyết minh số 2.2*, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Vấn đề khác

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ vào ngày 12 tháng 8 năm 2021.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán trên kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính vào ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____o0o_____
V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

_____o0o_____
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Người lập:

Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị Huyền
Chủ tịch

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

| STT | CÁC CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng |
|-----|--------------------------------------|-------------|---------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị rủi ro thị trường | 5 | 79.020 |
| 2 | Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 6 | 33.317.672 |
| 3 | Tổng giá trị rủi ro hoạt động | 7 | 5.000.000.000 |
| 4 | Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) | | 5.033.396.692 |
| 5 | Vốn khả dụng | 4 | 26.000.094.847 |
| 6 | Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4) | | 516,55% |

Người lập:

Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Huyền
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh thay đổi như sau:

- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thanh Hương, chức danh Chủ tịch hội đồng Quản trị.
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 9 năm 2015, chuẩn y các việc sau:
 - Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - Thay đổi địa điểm dời trụ sở chính về phòng 1201, Tầng 12, Tòa nhà Ruby Plaza, số 44 Lê Ngọc Hân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 5 năm 2021, chuẩn y các việc sau:
 - Thay đổi địa điểm dời trụ sở chính về Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
 - Thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Bùi Thị Thanh Trà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 5 năm 2022, chuẩn y các việc sau:
 - Thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Huyền, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 25.000.000.000 VND).

Mạng lưới hoạt động

Công ty đặt văn phòng tại Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là: 19 người (31 tháng 12 năm 2021: 20 người).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

2.1 Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 91"). Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

2.2 Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

2.3 Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam ("VND").

2.4 Các thay đổi trong các chính sách lập báo cáo và thuyết minh

Các chính sách lập báo cáo của Công ty sử dụng để lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 91 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2 Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư 91, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- ▶ Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- ▶ Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- ▶ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- ▶ Quỹ đầu tư phát triển (nếu có);
- ▶ Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- ▶ Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- ▶ Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- ▶ Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Vốn khả dụng* (tiếp theo)

- ▶ Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- ▶ Các khoản giảm trừ theo quy định tại Điều 6, Thông tư 91 (*Thuyết minh số 3.2.1*);
- ▶ Các khoản tăng thêm theo quy định tại Điều 7, Thông tư 91 (*Thuyết minh số 3.2.2*); và
- ▶ Vốn khác (nếu có).

Vốn khả dụng được điều chỉnh tăng/(giảm) các khoản mục sau đây:

3.2.1 *Các khoản giảm trừ*

- ▶ Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư 91, trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị ghi sổ so với giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư 91;
- ▶ Các tài sản ngắn hạn, không bao gồm các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư 91, dự phòng giảm giá đầu tư và dự phòng các khoản phải thu khó đòi bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác;
- ▶ Các tài sản dài hạn, không bao gồm các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư 91, dự phòng giảm giá đầu tư và dự phòng các khoản phải thu khó đòi; và
- ▶ Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có) mà chưa được trừ ra khỏi vốn khả dụng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 6, Thông tư 91.

Đối với các khoản mục giảm trừ khỏi Vốn khả dụng là tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ của công ty hoặc cho bên thứ ba, thì khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau:

- ▶ Giá trị thị trường của tài sản đó xác định theo quy định tại Phụ lục II, Thông tư 91;
- ▶ Giá trị sổ sách của khoản mục giảm trừ;
- ▶ Giá trị còn lại của nghĩa vụ.

Đối với các khoản mục giảm trừ khỏi Vốn khả dụng là tài sản được đảm bảo bằng tài sản của khách hàng, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau:

- ▶ Giá trị tài sản bảo đảm xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 10, Thông tư 91 như sau:
Giá trị tài sản đảm bảo cho khoản mục giảm trừ được xác định bằng khối lượng tài sản đảm bảo * Giá tài sản * (1 - Hệ số rủi ro thị trường)
- ▶ Giá trị sổ sách.

3.2.2 *Các khoản tăng thêm*

- ▶ Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính được quy định tại khoản 7 Điều 5 và khoản 5 Điều 6, Thông tư 91, trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị ghi sổ so với giá trị thị trường xác định theo quy định tại Phụ lục II, Thông tư 91;
- ▶ Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 91; và

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Vốn khả dụng* (tiếp theo)

3.2.2 *Các khoản tăng thêm* (tiếp theo)

- ▶ Giá trị các khoản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 7 Thông tư 91 phải tính giảm dần theo nguyên tắc: Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.
- ▶ Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu.

3.3 *Giá trị rủi ro thị trường*

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay, số chứng khoán được phòng ngừa bởi chứng quyền bán, hợp đồng tương lai và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- ▶ Cổ phiếu quỹ;
- ▶ Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư 91 bao gồm:
 - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
 - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty.
- ▶ Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- ▶ Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- ▶ Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.3.1 *Hệ số rủi ro thị trường*

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định tại Phụ lục I Thông tư 91.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Giá trị rủi ro thị trường* (tiếp theo)

3.3.2 *Giá tài sản*

a. *Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ*

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. *Cổ phiếu*

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

c. *Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán*

Giá trị quỹ đóng đại chúng/ Quỹ ETF là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng Giá trị tài sản ròng ("NAV")/1 chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại năm báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.3 Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- ▶ Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- ▶ Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm trên 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

Giá trị rủi ro thị trường điều chỉnh tăng thêm được tính bằng: Giá trị rủi ro thị trường của tài sản tiềm ẩn rủi ro thị trường (chưa bao gồm phần rủi ro tăng thêm) x Hệ số rủi ro tăng thêm.

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- ▶ Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán; hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, được xác định theo công thức:

$Giá\ trị\ rủi\ ro\ thanh\ toán = Hệ\ số\ rủi\ ro\ thanh\ toán\ theo\ đối\ tác \times Giá\ trị\ tiềm\ ẩn\ rủi\ ro$

- ▶ Đối với các khoản phải thu quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

$Giá\ trị\ rủi\ ro\ thanh\ toán = Hệ\ số\ rủi\ ro\ thanh\ toán\ theo\ thời\ gian \times Giá\ trị\ tài\ sản\ tiềm\ ẩn\ rủi\ ro\ thanh\ toán.$

- ▶ Trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, toàn bộ khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng phải được giảm trừ đi từ vốn khả dụng.

3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quá hạn theo quy định tại phụ lục III của Thông tư 91.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Giá trị rủi ro thanh toán* (tiếp theo)

3.4.2 *Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

- a. *Các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân tổ chức kinh doanh chứng khoán*

Giá trị của các tài sản được xác định theo *Thuyết minh số 3.3.2.*

- b. *Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

- c. *Các giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại, vay, cho vay chứng khoán*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán xác định theo nguyên tắc quy định tại phụ lục IV của Thông tư 91.

3.4.3 *Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- ▶ Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- ▶ Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

3.4.4 *Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm*

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau :

- ▶ Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- ▶ Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- ▶ Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

Giá trị rủi ro thanh toán điều chỉnh tăng thêm được tính bằng: Giá trị rủi ro thanh toán của tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (chưa bao gồm phần rủi ro tăng thêm) x Hệ số rủi ro tăng thêm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Giá trị rủi ro thanh toán* (tiếp theo)

3.4.5 *Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- ▶ Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- ▶ Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- ▶ Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

3.4.6 *Đối với các khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày được xác định:*

- ▶ Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm từ 0% đến 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán được áp dụng hệ số rủi ro 8%;
- ▶ Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán được áp dụng hệ số rủi ro 100%;
- ▶ Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán.

3.5 *Giá trị rủi ro hoạt động*

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định là giá trị lớn nhất của các giá trị sau: 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong năm, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn; chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

4. VỐN KHẢ DỤNG

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|-----------|---|------------------|--------------------|-----------------------|
| | | Vốn khả dụng VND | Khoản giảm trừ VND | Khoản tăng thêm VND |
| A | Nguồn vốn | (1) | (2) | (3) |
| 1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | 25.000.000.000 | | |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | - | | |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | - | | |
| 4 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có) | - | | |
| 5 | Quỹ đầu tư phát triển (nếu có) | - | | |
| 6 | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 54.906.131 | | |
| 7 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 54.906.131 | | |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 1.751.804.094 | | |
| 9 | Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản | 27.626.646 | | |
| 10 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định | - | | |
| 11 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | | |
| 12 | Các khoản nợ có thể chuyển đổi | | | - |
| 13 | Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính | - | - | - |
| 14 | Vốn khác (nếu có) | - | | |
| 1A | Tổng | | | 26.889.243.002 |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

4. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|------------|--|------------------|--------------------|---------------------|
| | | Vốn khả dụng VND | Khoản giảm trừ VND | Khoản tăng thêm VND |
| B | Tài sản ngắn hạn | | | |
| <i>I</i> | <i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | | | |
| <i>II</i> | <i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i> | | | |
| 1. | Đầu tư ngắn hạn | | | |
| | Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9 | | | |
| | Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6 | | - | |
| 2. | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | | |
| <i>III</i> | <i>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</i> | | | |
| 1. | Phải thu của khách hàng | | | |
| | Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 2. | Trả trước cho người bán | | 280.548.963 | |
| 3. | Phải thu hoạt động nghiệp vụ | | | |
| | Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | 19.226.646 | |
| 4. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | | | |
| | Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 5. | Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | | | |
| | Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 6. | Các khoản phải thu khác | | | |
| | Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | | |
| <i>IV</i> | <i>Hàng tồn kho</i> | | | - |
| <i>V</i> | <i>Tài sản ngắn hạn khác</i> | | | |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | | 86.861.180 | |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

4. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|-----------|---|------------------|--------------------|---------------------|
| | | Vốn khả dụng VND | Khoản giảm trừ VND | Khoản tăng thêm VND |
| B | Tài sản ngắn hạn (tiếp theo) | | | |
| 2. | Thuế GTGT được khấu trừ | | | |
| 3. | Thuế và các khoản phải thu nhà nước | | | |
| 4. | Tài sản ngắn hạn khác | | | |
| 4.1 | Tạm ứng | | | |
| | Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 4.2 | Tài sản ngắn hạn khác | | - | |
| 1B | Tổng | | | 386.636.789 |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

4. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

| STT | NỘI DUNG | Vốn khả dụng | | |
|--------------------------------|--|------------------|--------------------|-----------------------|
| | | Vốn khả dụng VND | Khoản giảm trừ VND | Khoản tăng thêm VND |
| C | Tài sản dài hạn | | | |
| <i>I</i> | <i>Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</i> | | | |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | | | |
| | Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | | - |
| 2. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | | | - |
| 3. | Phải thu dài hạn nội bộ | | | |
| | Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | | - |
| 4. | Phải thu dài hạn khác | | | |
| | Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | | - |
| 5 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | | |
| <i>II</i> | <i>Tài sản cố định</i> | | | - |
| <i>III</i> | <i>Bất động sản đầu tư</i> | | | - |
| <i>IV</i> | <i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i> | | | |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | | | - |
| 2. | Đầu tư chứng khoán dài hạn | | | |
| | Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9 | | | |
| | Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6 | | | - |
| 3. | Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài | | | - |
| 4. | Đầu tư dài hạn khác | | | - |
| 5. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | | |
| <i>V</i> | <i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i> | | | |
| <i>VI</i> | <i>Tài sản dài hạn khác</i> | | | - |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | | 373.251.866 | |
| 2 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | | - |
| 3 | Ký cược, ký quỹ dài hạn | | 129.259.500 | |
| | Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại điều 6 thông tư 91 | | | - |
| 1C | Tổng | | | 502.511.366 |
| VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C | | | | 26.000.094.847 |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B09-CTQ

5. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Giá trị rủi ro
VND

Rủi ro thị trường (Thuyết minh số 5.1)

79.020

Tổng giá trị rủi ro thanh toán

79.020

| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro % | Quy mô rủi ro VND | Giá trị rủi ro VND |
|--|---|----------------------|----------------------|-----------------------|
| | | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | | | |
| 1. | Tiền mặt (VND) | 0 | 25.472.220.973 | - |
| 2. | Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu | 0 | - | - |
| 3. | Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ | 0 | - | - |
| II. Trái phiếu chính phủ | | | | |
| 4. | Trái phiếu Chính phủ không trả lãi | 0 | - | - |
| 5. | Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương. | 3 | - | - |
| III. Trái phiếu tổ chức tín dụng | | | | |
| 6. | Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 3 | - | - |
| | Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 8 | - | - |
| | Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 10 | - | - |
| | Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15 | - | - |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B09-CTQ

5. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

| | | Hệ số rủi ro % | Quy mô rủi ro VND | Giá trị rủi ro VND |
|---|--|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Các hạng mục đầu tư | | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| IV. Trái phiếu doanh nghiệp | | | | |
| Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết | | | | |
| 7. | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 8 | - | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 10 | - | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15 | - | - |
| | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 20 | - | - |
| Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết | | | | |
| 8. | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 15 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 20 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 25 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 30 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 25 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 30 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 35 | - | - |
| | Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi | 40 | - | - |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B09-CTQ

5. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

| Các hạng mục đầu tư | | Hệ số rủi ro % | Quy mô rủi ro VND | Giá trị rủi ro VND |
|---|--|----------------------|----------------------|-----------------------|
| | | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| V. Cổ phiếu | | | | |
| 9. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở | 10 | 790.200 | 79.020 |
| 10. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | 15 | - | - |
| 11. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom | 20 | - | - |
| 12. | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO) | 30 | - | - |
| 13. | Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác | 50 | - | - |
| VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán | | | | |
| 14. | Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng | 10 | - | - |
| 15. | Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ | 30 | - | - |
| VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch | | | | |
| 16. | Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định | 30 | - | - |
| 17. | Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo | 20 | - | - |
| 18. | Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát | 25 | - | - |
| 19. | Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch | 40 | - | - |
| 20. | Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch | 80 | - | - |
| VIII. Các tài sản khác | | | | |
| 21. | Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần. | 100 | - | - |
| 22. | Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác | 80 | - | - |
| 23. | Các tài sản đầu tư khác | 80 | - | - |
| 23.1 | Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | 8 | - | - |
| TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII) | | | | 79.020 |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B09-CTQ

5. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

5.1 Chi tiết giá trị rủi ro thị trường theo từng chứng khoán đầu tư

| | <i>Giá trị thị trường VND</i> | <i>Hệ số rủi ro</i> | <i>Giá trị rủi ro VND</i> |
|---|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang ("DHG") | 790.200 | 10% | 79.020 |
| | 790.200 | | 79.020 |

6. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

| | <i>Giá trị rủi ro VND</i> |
|--|-------------------------------|
| Rủi ro trước thời hạn thanh toán (<i>Thuyết minh số 6.1</i>) | 33.317.672 |
| Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 33.317.672 |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B09-CTQ

6. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

Giá trị rủi ro thanh toán cho các khoản mục chưa đến hạn thanh toán được xác định như sau:

| Loại hình giao dịch | | Hệ số rủi ro (%) | Giá trị rủi ro VND | | | | | | Tổng giá trị rủi ro VND |
|---|--|------------------|--------------------|------------|------------|------------|----------|------------|-------------------------|
| | | | 0 (1) | 0.8 (2) | 3.2 (3) | 4.8 (4) | 6 (5) | 8 (6) | |
| Rủi ro trước thời hạn thanh toán | | | | | | | | | |
| 1. | Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác | | - | - | - | - | - | 33.317.672 | 33.317.672 |
| 2. | Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | - | - | - | - | - | - | - |
| 3. | Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | - | - | - | - | - | - | - |
| 4. | Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | - | - | - | - | - | - | - |
| 5. | Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | - | - | - | - | - | - | - |
| 6. | Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | | - | - | - | - | - | - | - |
| TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN | | | | | | | | | 33.317.672 |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

6. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

| STT | Đối tác thanh toán cho Công ty | Hệ số rủi ro thanh toán |
|-----|---|-------------------------|
| (1) | Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; | 0% |
| (2) | Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam | 0.8% |
| (3) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán | 3.2% |
| (4) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty | 4.8% |
| (5) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam | 6% |
| (6) | Các tổ chức, cá nhân khác | 8% |

6.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán

| | Giá trị sổ sách VND | Hệ số rủi ro | Giá trị rủi ro VND |
|---------------|------------------------|-----------------|-----------------------|
| Phải thu khác | 416.470.903 | 8% | 33.317.672 |
| | 416.470.903 | | 33.317.672 |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

7. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

| STT | Chỉ tiêu | Giá trị VND |
|--|---|----------------------|
| I. | Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng | 7.220.694.815 |
| II. | Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh số 7.1) | 36.546.027 |
| III. | Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II) | 7.184.148.788 |
| IV. | 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III) | 1.796.037.197 |
| V. | 20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán | 5.000.000.000 |
| TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V}) | | 5.000.000.000 |

7.1 Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

| | Giá trị VND |
|------------------|-------------------|
| Chi phí khấu hao | 17.231.800 |
| Chi phí dự phòng | 19.314.227 |
| TỔNG CỘNG | 36.546.027 |

8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2022 yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:


Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán viên


Bà Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán Trưởng


Bà Nguyễn Thị Huyền
Chủ tịch

Ngày 13 tháng 8 năm 2022